

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19-8-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền
2. Ông Trần Châu Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Triệu Thị Thuý M, sinh năm 1982; Hộ khẩu thường trú: Xóm T, phường C, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; Địa chỉ liên lạc: Tổ NDTQ số 5, Khu phố 5, thị trấn M, huyện M1, tỉnh Bến Tre; Nay là Ấp 5, xã M, tỉnh Vĩnh Long. *(Xin vắng mặt)*

2/ Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Ấp A, xã A1, huyện M1, tỉnh Bến Tre; Nay là ấp A, xã M, tỉnh Vĩnh Long. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn bà Triệu Thị Thuý M trình bày:

Bà và ông Huỳnh Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M1, tỉnh Bến Tre vào ngày 16 tháng 7 năm 2020 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Nguyên nhân là do ông T nhậu nhẹt, chửi bới, xúc phạm bà, không lo làm ăn mà cờ bạc. Bà và ông T đã sống ly thân từ ngày 15 tháng 5 năm 2021 đến nay và không thể hàn

gắn. Nay bà xác định không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân với ông T được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có một con chung họ tên là Triệu Huỳnh P, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2018, hiện đang sống với bà. Bà M yêu cầu sau khi ly hôn con chung giao cho bà trực tiếp nuôi, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Bà và ông T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản. Về nợ chung: Bà và ông T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Văn T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nên không có lời trình bày, không gửi văn bản nêu ý kiến và tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long trình bày quan điểm như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Triệu Thị Thuý M; Về hôn nhân: Bà M được ly hôn với ông Huỳnh Văn T; Về con chung: Bà M được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung họ tên Triệu Huỳnh P, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2018, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà M không có yêu cầu; Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên không giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không giải quyết; Về án phí: Đương sự có nghĩa vụ chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Triệu Thị Thuý M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với bị đơn ông Huỳnh Văn T nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cụ thể là về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà M cho rằng giữa bà và ông T không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc nên bà có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 68 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ông T có nơi cư trú tại ấp A, xã A1, huyện M1, tỉnh Bến Tre, nay là ấp A, xã M, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Bà M có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà M, Hội đồng xét xử nhận định: Bà M và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A1, huyện M1, tỉnh Bến Tre vào ngày 16 tháng 7 năm 2020 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Do đó, hôn nhân của bà M và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà M cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, nguyên nhân là do ông T nhậu nhẹt, chửi bới, xúc phạm bà, không lo làm ăn mà cờ bạc. Bà và ông T đã sống ly thân từ ngày 15 tháng 5 năm 2021 đến nay và không thể đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và mời ông T đến Tòa tham gia hoà giải nhằm tìm cách hàn gắn nhưng ông T không đến và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến hay phản đối yêu cầu ly hôn của bà M. Từ các cơ sở trên cho thấy, tình trạng hôn nhân của bà M và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà M ly hôn với ông T là phù hợp.

[6] Xét về con chung: Bà M và ông T có một con chung họ tên là Triệu Huỳnh P, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2018. Bà M yêu cầu sau khi ly hôn con chung giao cho bà trực tiếp nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy con chung hiện đang sống với bà M, con chung có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ, ông T cũng không đưa ra yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Do đó, nhằm đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc để phát triển ổn định cho con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi. Bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con là ý chí tự nguyện của bà nên ghi nhận.

[7] Xét về tài sản chung: Bà M trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết chia tài sản, ông T không đưa ra yêu cầu chia tài sản nên không giải quyết.

[8] Xét về nợ chung: Bà M trình bày không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nợ chung, ông T cũng không đưa ra yêu cầu giải quyết nợ chung nên không giải quyết.

[9] Xét về án phí: Bà M có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

[10] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long là phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Triệu Thị Thuý M.

Về hôn nhân: Bà Triệu Thị Thuý M được ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

Về con chung: Bà M và ông T có một con chung họ tên là Triệu Huỳnh P, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2018, hiện đang sống với bà M. Sau khi ly hôn, con chung giao cho bà M trực tiếp nuôi. Ghi nhận bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà M trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết về chia tài sản, ông T không đưa ra yêu cầu chia tài sản nên không giải quyết.

Về nợ chung: Bà M trình bày không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nợ chung, ông T cũng không đưa ra yêu cầu giải quyết nợ chung nên không giải quyết.

Về án phí: Bà M có nghĩa vụ chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012128 ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự (2b);
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- THADS tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan ĐKKH (1b);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Kim Ngân